**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn: Toán - Lớp 5**

**Bài 43. HÌNH TAM GIÁC** Tiết: 68

**Thời gian thực hiện, ngày 11 tháng 12 năm 2024**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
   * Nhận biết một số loại tam giác. Nhận biết đường cao của tam giác.
   * Vẽ được đường cao của hình tam giác.
   * HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

 Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

 Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

 Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

 Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

 Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

 Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

 GV: Các hình vẽ hình tam giác có trong bài.

 HS: Ê-ke, Vở bài tập hoặc Phiếu giao việc.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** |
| **1.Mở đầu: Khởi động (5p)** | |
| – Từ nội dung các bóng nói, GV giới thiệu bài. | – HS quan sát hình ảnh phần Khởi động.  A cartoon of a child sitting at a desk  Description automatically generated |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới (12p)** | |
| **\* Hình tam giác** |  |
| * GV trình chiếu hình và gợi ý để HS đọc tên và nói về một số yếu tố cơ bản của hình tam giác.   Câu hỏi gợi ý:  + Tam giác tên gì?  + Tam giác ABC có mấy đỉnh? Mấy cạnh? Mấy góc? Đọc tên.   * Sửa bài, HS vừa trình bày vừa chỉ vào hình vẽ. | – HS quan sát hình tam giác  Đọc tên và nói về một số yếu tố cơ bản của hình tam giác.  A triangle with a black text  Description automatically generated  + Đây là tam giác ABC.  + Tam giác ABC có:  Ba đỉnh: A, B, C;  Ba cạnh: AB, BC, CA;  Ba góc: góc đỉnh A, góc đỉnh B, góc đỉnh C. |
| **\* Phân loại các hình tam giác** |  |
| – GV treo (hoặc vẽ) hình lên bảng lớp, nêu các câu hỏi gợi ý, giúp HS quan sát và thảo luận. |  |
| Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4 |  |
| A black triangle with white background  Description automatically generated |  |
| Câu hỏi gợi ý:  Mỗi góc của tam giác là loại góc gì? Vuông, nhọn hay tù?   * GV giúp HS dùng ê-ke kiểm tra từng hình. * GV nói “Hình tam giác có ba góc nhọn, ta nói đây là tam giác nhọn”, GV viết *Tam giác nhọn* dưới Hình 1.   A black and white image of a triangle  Description automatically generated | – HS hoạt động nhóm đôi, mỗi nhóm chỉ quan sát một hình  Ước lượng  Dự đoán loại góc.  HS dùng ê-ke kiểm tra từng hình. Hai nhóm lần lượt kiểm tra 1 hình.  Ví dụ:  Hình 1:    Sau khi kiểm tra, HS kết luận: “Tam giác này có ba góc nhọn.”.  HS lặp lại: Hình tam giác có ba góc nhọn là hình tam giác nhọn. |
| Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4 |  |
|  | A drawing of a triangle  Description automatically generated |
| – GV yêu cầu HS thực hiện tương tự với Hình 2, 3, 4. | Hình 2 Hình 3 Hình 4 |
|  | – Sau khi kiểm tra, HS lần lượt viết thêm dưới hình tiếp theo. |
|  | A black triangle with white background  Description automatically generated  Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4 |
|  | Tam giác nhọn Tam giác vuông Tam giác tù Tam giác đều |
| **\* Đáy và đường cao**  – GV vừa vẽ vừa nói: Trong tam giác ABC, ta vẽ đoạn thẳng AH vuông góc với cạnh BC. | – HS vẽ vào bảng con. |
| – GV vừa nói, vừa chỉ vào hình:  Khi đó, BC gọi là *đáy*, AH là *đường cao* ứng với đáy BC.  Độ dài AH là *chiều cao*. | – Vài HS lên bảng làm theo GV.  A triangle with a letter and a point  Description automatically generated with medium confidence |
| **\* Vẽ đường cao của hình tam giác**  – GV hướng dẫn và vẽ từng bước ở mỗi ví dụ. GV lưu ý HS cách đặt ê-ke, chẳng hạn:  *Ví dụ 1:* Vẽ đường cao tương ứng với đáy LN của tam giác LMN.  Đặt một cạnh góc vuông của ê-ke trùng với đáy LN, cạnh góc vuông còn lại đi qua điểm M. | – HS vẽ theo trong Vở bài tập.    Bước 1: Đặt ê-ke. |
| Vẽ đoạn thẳng theo cạnh của ê-ke.  Ghi tên giao điểm giữa đường cao và cạnh đáy: V. | Bước 2: Vẽ.    Bước 3: Ghi tên đường cao. A black triangle with a white background  Description automatically generated |
| *Ví dụ 2:* Vẽ đường cao tương ứng với đáy DE của tam giác CDE.  – Thực hiện tương tự Ví dụ 1. GV hướng dẫn và vẽ trên bảng lớp.  Dùng thước thẳng vẽ kéo dài cạnh đáy DE về bên trái.  Đặt một cạnh góc vuông của ê-ke trùng với đáy DE (phần kéo dài), cạnh góc vuông còn lại đi qua điểm C, rồi vẽ đoạn thẳng theo cạnh của ê-ke.  Ghi tên giao điểm giữa đường cao và cạnh đáy: I. | HS vẽ theo trong Phiếu học tập hoặc Vở bài tập.  Bước 1: Vẽ kéo dài cạnh.    Bước 2: Đặt ê-ke và vẽ.  Bước 3: Ghi tên đường cao. |
| **3. Luyện tập – Thực hành (13p)** | |
| *Thực hành*  **Bài 1:**  – Khi sửa bài, GV treo (hoặc vẽ) hình lên bảng lớp, khuyến khích HS trìnhbàyrành mạch, vừa trình bày vừa thao tác trên hình. | * Tìm hiểu bài, nhận biết: Quan sát hình   Nêu tên (chẳng hạn: tam giác ABC), nêu các cạnh, nhận biết loại tam giác.   * HS làmbài theo nhóm đôi (nếu cần thì sử dụng ê-ke, thước đo góc). |
| – GV yêu cầu HS so sánh độ dài các cạnh của tam giác đều. | Hai nhóm trình bày một hình.   * Tam giác ABC có ba cạnh là AB, BC, CA; ba góc: đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C; góc đỉnh C là góc vuông  Tam giác ABC là tam giác vuông. * Tam giác HIK có ba cạnh là HK, KI, IH; ba góc: đỉnh H, đỉnh I, đỉnh K; góc đỉnh K là góc tù  Tam giác HIK là tam giác tù. * Tam giác LMN có ba cạnh là LM, MN, NL; ba góc: đỉnh L, đỉnh M, đỉnh N; ba góc đều là góc nhọn  Tam giác LMN là tam giác nhọn. * Tam giác DEG có ba cạnh là DE, EG, GD; ba góc: đỉnh D, đỉnh E, đỉnh G; ba góc đều bằng 60o  Tam giác DEG là tam giác đều.   – HS dùng thước thẳng đo và nhận xét: Ba cạnh của tam giác đều bằng nhau. |
| **Bài 2:** | HS nhận biếtcách thực hiện:   * Nêu tên tam giác. * Dựa vào hình ảnh ê-ke, nêu tên đường cao rồi nêu tên đáy. |
| – Sửa bài, GV treo (hoặc trình chiếu) hình lên giúp HS trình bày.  *Lưu ý:* Trong tam giác DEG, đường cao là DE hoặc GE (nêu đúng tên cạnh đáy tương ứng). | A diagram of a triangle  Description automatically generated   * Tam giác ABC có đường cao CK tương ứng với đáy AB. * Tam giác MNP có đường cao MH tương ứng với đáy NP. * Tam giác STU có đường cao TI tương ứng với đáy SU. * Tam giác DEG có đường cao DE tương ứng với đáy EG. |
| **Bài 3:**  – GV hướng dẫn HS tìm hiểubài. Ví dụ: Tam giác ABC.  Đường cao tương ứng với đáy nào?  Đường cao xuất phát từ đỉnh nào?  Đường cao liên quan gì với đáy BC?  Em hãy dùng đầu ngón tay vạch một đường tượng trưng cho đường cao ứng với đáy BC. | BC.  Đỉnh A.  Vuông góc với BC.  HS dùng đầu ngón tay vạch một đường tượng trưng cho đường cao ứng với đáy BC.  – HS vẽ đường cao  HS có thể quan sát các bước vẽ đường cao ở phần Cùng học rồi thực hiện. |
| – Sửa bài, GV cho HS thực hiện trên bảng phụ rồi treo lên cho cả lớp quan sát, dùng ê-ke kiểm tra và nhận xét | A triangle shapes with letters and a letter  Description automatically generated with medium confidence |
| **4. Vận dụng – Trải nghiệm (5p)** | |
| **Khám phá**  – GV có thể trình chiếu hình rồi vấn đáp, giúp HS nhận biết:  + Diện tích của hai tam giác bằng nhau.  + Vẽ đường cao của một trong hai tam giác  Cắt theo đường cao vừa vẽ  Ghép hai mảnh cắt với hình tam giác còn lại  Diện tích hình chữ nhật vừa ghép được.  *Lưu ý:* GV cũng có thể giao việc để HS chuẩn bị ở nhà, phục vụ cho bài Diện tích hình tam giác. | A graph of a triangle  Description automatically generated |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**